

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 6 - 2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng.
2. Ông Nguyễn Văn Thề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị S, sinh năm 1973; HKTT: ấp AP, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT. Tạm trú tại: ấp AP, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT;

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp AP, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT.

(Chị S có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị S trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 1991 - 1992 chị Phan Thị S và anh Huỳnh Thanh T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng 02 năm nay thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh T thường ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và anh T đánh đập chị S nhiều lần nhưng chị S không trình báo cho

ai biết. Từ tháng 6/2018 thì chị S và anh T đã sống xa nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thanh L, sinh ngày 14/3/1995 và Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 06/3/1996. Hiện nay hai con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng có các loại tài sản gồm: Một cái tủ thờ gỗ thao lao mua khoảng 5,7 năm nay, giá lúc mua 4.000.000đ, một cái tủ ly mua khoảng hai năm nay, giá mua 4.700.000đ; Một bộ lư dùng thờ cúng, mua không nhớ năm nào giá lúc mua 7.500.000đ, 01 tủ lạnh hiệu panasonic giá lúc mua 6.800.000đ, mua năm trên 2 năm; 01 máy giặt hiệu toshiba, mua khoảng 4 năm giá khoảng 4 hay 5 triệu đồng; một chiếc xe Fortuner và một chiếc xe Wave Trung Quốc. Chiếc xe Wave Trung Quốc hiện nay cho con tên Linh sử dụng, tất cả tài sản còn lại thì anh T đang quản lý. Nay ly hôn chị S không yêu cầu Toà án giải quyết mà để vợ chồng tự thoả thuận.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thanh T và chị Phan Thị S tổ chức đám cưới vào năm anh T 19 tuổi (khoảng năm 1991 - 1992) và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐA, huyện LV nhưng anh T không nhớ ngày tháng năm đăng ký kết hôn và Ủy ban nhân dân xã có cấp giấy chứng nhận kết hôn hay không thì anh không biết. Từ trước đến nay anh T không giữ giấy đăng ký kết hôn nên không có để cung cấp cho Toà án. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì chị S bỏ nhà đi nhưng anh không biết đi đâu và cũng không liên lạc được, đến khi Toà án gửi thông báo thụ lý vụ án anh mới biết vợ anh yêu cầu ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, còn việc chị S cho rằng anh ghen tuông vô cớ là không đúng, mà thực tế chị S đã quen người đàn ông khác, có con ruột và con dâu, con rể nhìn thấy nói lại cho anh T biết nên anh T mới đánh chị S. Nay chị S yêu cầu ly hôn thì anh T không đồng ý vì còn thương vợ, anh T muốn cho chị S suy nghĩ lại trong 03 tháng nếu chị S không chịu quay về thì anh mới đồng ý ký giấy cho chị S ly hôn. Anh T cho rằng nguyên nhân chủ yếu chị S yêu cầu ly hôn với anh T là do chị S đã có người đàn ông khác, mặc dù anh T chưa tận mắt chứng kiến mà chỉ nghe con kể lại.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thanh L, sinh ngày 14/3/1995 và Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 06/3/1996. Hiện nay hai con đã trưởng thành, đã có gia đình nên nếu Toà án giải quyết ly hôn theo như yêu cầu của chị S thì anh T không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng có những tài sản như chị S trình bày. Nay nếu Toà án giải quyết cho ly hôn theo như yêu cầu của chị S thì anh T cũng thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết mà để anh T và chị S tự thoả thuận

với nhau.

4. Về nợ chung: Thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T, về con chung, tài sản chung và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn ” và bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Huỳnh Thanh T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Thanh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị S và anh Huỳnh Thanh T đều thống nhất anh chị tổ chức đám cưới vào khoảng năm 1991 - 1992. Theo chị Phan Thị S trình bày, chị S và anh T tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Để chứng minh cho lời trình bày này, chị S cung cấp cho Tòa án Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch ngày 08 tháng 5 năm 2019, được Ủy ban nhân xã ĐA xác nhận: Qua kiểm tra dữ liệu hộ tịch lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Định An, kết quả không tìm thấy tên bà Phan Thị S và ông Huỳnh Thanh T lưu trong sổ bộ đăng ký kết hôn tại xã. Tại đơn xin xác nhận không đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 02 năm 2019 được Ủy ban nhân dân xã ĐY xác nhận: Qua kiểm tra dữ liệu hộ tịch lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã ĐY, kết quả không tìm thấy tên bà Phan Thị S và ông Huỳnh Thanh T lưu trong sổ bộ đăng ký kết hôn tại xã. Còn anh Huỳnh Thanh T trình bày: Anh T và chị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐA, huyện Lấp Vò nhưng anh T không nhớ anh T và chị S đăng ký kết hôn vào ngày tháng năm nào và Ủy ban nhân dân xã ĐA có cấp giấy chứng nhận kết hôn hay không thì anh không biết nên anh T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là anh T và chị S có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do anh T không cung cấp được chứng cứ, chứng minh việc chị S và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và Ủy ban nhân dân xã ĐA và Ủy ban nhân dân xã ĐY là nơi mà anh T và chị S đăng ký thường trú cũng đã xác nhận anh T và chị S không có đăng ký kết hôn tại xã nên không có căn cứ xác định chị S và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Như vậy, việc chị S và anh T sống chung với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa

án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do đó, xử không công nhận chị Phan Thị S và anh Huỳnh Thanh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Phan Thị S và anh Huỳnh Thanh T đều thống nhất, quá trình chung sống chị S và anh T có 02 con chung tên Huỳnh Thanh L, sinh ngày 14/3/1995 và Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 06/3/1996. Hiện nay hai con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Phan Thị S và anh Huỳnh Thanh T đều thống nhất chị S và anh T có các loại tài sản gồm: Một cái tủ thờ gỗ thao lao mua khoảng 5,7 năm nay, giá lúc mua 4.000.000đ, một cái tủ ly mua khoảng hai năm nay, giá lúc mua 4.700.000đ; Một bộ lư dùng thờ cúng, mua không nhớ năm nào giá lúc mua 7.500.000đ; 01 tủ lạnh hiệu panasonic giá 6.800.000đ, mua năm trên 2 năm; 01 máy giặt hiệu toshiba, mua khoảng 4 năm giá khoảng 4 hay 5 triệu đồng; 01 chiếc xe Fortuner, mua khoảng hai năm nay; 01 chiếc xe Wave Trung Quốc. Nay ly hôn chị S và anh T đều thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Phan Thị S và anh Huỳnh Thanh T đều thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị S phải chịu án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Huỳnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị S và anh Huỳnh Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị S đã nộp theo biên lai số 0007083 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị S được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Thanh T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Vạn Thế - Lê Văn Hùng

Phan Văn Nội